

**BIỂU SỐ 01 - KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Tổng số	Bao gồm			
			Vốn trong nước			Vốn nước ngoài (vay ODA)
			Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết	
	<b>Tổng số</b>	<b>4,714,904.0</b>	<b>767,304.0</b>	<b>3,700,000.0</b>	<b>38,000.0</b>	<b>209,600.0</b>
1	Vốn ngân sách tỉnh	1,794,312.8	537,112.8	1,009,600.0	38,000.0	209,600.0
2	Vốn ngân sách cấp huyện, xã	2,920,591.2	230,191.2	2,690,400.0		
2.1	Thành phố Hải Dương	340,856.9	18,856.9	322,000.0		
2.2	Thành phố Chí Linh	442,873.9	20,873.9	422,000.0		
2.3	Thị xã Kinh Môn	123,207.6	19,207.6	104,000.0		
2.4	Huyện Nam Sách	299,106.1	18,106.1	281,000.0		
2.5	Huyện Kim Thành	209,423.6	19,423.6	190,000.0		
2.6	Huyện Thanh Hà	209,234.6	19,234.6	190,000.0		
2.7	Huyện Tứ Kỳ	202,057.1	20,457.1	181,600.0		
2.8	Huyện Gia Lộc	288,134.7	18,434.7	269,700.0		
2.9	Huyện Thanh Miện	188,889.8	18,889.8	170,000.0		
2.10	Huyện Ninh Giang	211,526.1	19,526.1	192,000.0		
2.11	Huyện Bình Giang	257,620.0	17,520.0	240,100.0		
2.12	Huyện Cẩm Giàng	147,660.8	19,660.8	128,000.0		

**BIỂU SỐ 02 - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023 (VỐN TRONG NƯỚC)**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Vốn NSDP đã phân bổ 2 năm 2021, 2022	Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2022 theo kế hoạch 5 năm	Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Thu XSKT	Bao gồm	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất
<b>TỔNG SỐ</b>						<b>3,916,470</b>	<b>2,127,381</b>	<b>2,377,916</b>	<b>776,107</b>	<b>1,464,030</b>	<b>1,584,712.800</b>	<b>537,112.800</b>	<b>1,009,600.000</b>	<b>38,000.000</b>
<b>A</b>	<b>TRẢ NỢ VỐN VAY</b>							<b>183,302</b>	<b>45,523</b>		<b>23,400.000</b>	<b>23,400.000</b>		
<b>B</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>							<b>40,000</b>	<b>27,780</b>	<b>12,220</b>	<b>12,220.000</b>	<b>12,220.000</b>		
<b>C</b>	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>							<b>3,916,470</b>	<b>2,127,381</b>	<b>2,154,614</b>	<b>702,803</b>	<b>1,451,810</b>	<b>1,549,092.800</b>	<b>501,492.800</b>
	Bao gồm													
	- Hỗ trợ thị xã Kinh Môn (để xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường trên địa bàn)	Thị xã Kinh Môn						40,000	10,000	30,000	10,000.000	10,000.000		
	Vốn phân bổ cho dự án							3,916,470	2,127,381	2,114,614	692,803	1,539,092.800	491,492.800	1,009,600.000
<b>C.1</b>	<b>PHÂN BỐ ĐỢT ĐẦU</b>							<b>3,916,470</b>	<b>2,127,381</b>	<b>2,114,614</b>	<b>692,803</b>	<b>812,114.853</b>	<b>250,500.000</b>	<b>561,614.853</b>
	- Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2023							165,496	165,496	165,864	88,359	77,506	77,137.853	77,137.853
	- Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2023							2,886,383	1,738,885	1,725,750	604,445	1,121,305	604,477.000	120,000.000
	- Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành sau năm 2023							864,591	223,000	223,000		223,000	130,500.000	130,500.000
<b>(1)</b>	<b>Quốc phòng (Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2023)</b>							<b>96,900</b>	<b>96,900</b>	<b>96,900</b>	<b>61,359</b>	<b>35,541</b>	<b>35,541.440</b>	<b>35,541.440</b>
1	Công trình Quân sự HPA		B	2021-2023	102; 07/10/2021			96,900	96,900	96,900	61,359	35,541	35,541.440	35,541.440

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Vốn NSDP đã phân bổ 2 năm 2021, 2022	Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2022 theo kế hoạch 5 năm	Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Bao gồm	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Thu sử dụng đất	Thu XSKT
(2)	<b>An ninh và trật tự, an toàn xã hội (Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2023)</b>													
1	Xây dựng doanh trại đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ khu vực của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an tỉnh Hải Dương (hợp phần dự án Nâng cao năng lực cho lực lượng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ)		C	2022-2023	3866; 27/12/2021	34,967	24,477	24,477	10,000	14,477	14,477.000		14,477.000	
(3)	<b>Văn hóa, thông tin (Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023)</b>													
1	Xây dựng Tượng đài Tiếng sấm đường 5			2022-2025	1200; 23/4/2021	57,500	56,500	55,816	846	54,970	20,000.000		20,000.000	
(4)	<b>Giao thông (Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023)</b>													
1	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	Thanh Miện, Ninh Giang, Tứ Kỳ	A	2021-2024	1643, 03/6/2021; 2672, 04/10/2022	1,778,886	778,886	768,886	210,000	558,886	300,000.000	120,000.000	450,000.000	300,000.000

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Vốn NSDP đã phân bổ 2 năm 2021, 2022	Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2022 theo kế hoạch 5 năm	Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu XSKT
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
2	Đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện (giai đoạn 1)	Thanh Miện	B	2022-2025	403; 28/01/2022	397,810	397,810	397,159	139,573	257,586	150,000.000		150,000.000	
3	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh	Chí Linh	B	2022-2024	3849; 25/12/2021	469,820	333,812	332,412	194,026	138,386	50,000.000	50,000.000		
4	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn từ Quốc lộ 5 đến Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng)	Bình Giang và Cẩm Giàng	B	2022-2024	3850; 25/12/2021	147,400	147,400	147,000	50,000	97,000	70,000.000	70,000.000		
<b>(5)</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</b>													
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2023</b>													
						<b>924,588</b>	<b>282,997</b>	<b>283,365</b>	<b>22,000</b>	<b>261,365</b>	<b>168,496.950</b>	<b>130,500.000</b>		<b>37,996.950</b>
						<b>59,997</b>	<b>59,997</b>	<b>60,365</b>	<b>22,000</b>	<b>38,365</b>	<b>37,996.950</b>			<b>37,996.950</b>
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương	TPHD	C	2021-2025	1663; 04/6/2022	6,780	6,780	7,148	5,000	2,148	1,780.201		1,780.201	
2	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa nhà khách Bạch Đằng	TPHD	C	2021-2025	589; 03/382022	44,806	44,806	44,806	12,000	32,806	32,805.597		32,805.597	
3	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Sở Nông nghiệp và PTNT				2849; 26/10/2022	8411.152	8411.152	8,411	5,000	3,411	3,411.152		3,411.152	

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Vốn NSDP đã phân bổ 2 năm 2021, 2022	Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2022 theo kế hoạch 5 năm	Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Bao gồm	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Thu sử dụng đất	Thu XSKT
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới, hoàn thành sau năm 2023</i>					<b>864,591</b>	<b>223,000</b>	<b>223,000</b>		<b>223,000</b>	<b>130,500.000</b>	<b>130,500.000</b>		
1	Đề án Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2021-2025	Tỉnh HD		2021-2025	2055; 29/7/2022	864,591	223,000	223,000		223,000	130,500.000	130,500.000		
(6)	<b>Kho tàng (Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2023)</b>					<b>8,599</b>	<b>8,599</b>	<b>8,599</b>	<b>5,000</b>	<b>3,599</b>	<b>3,599.463</b>		<b>3,599.463</b>	
1	Sửa chữa Trụ sở làm việc Trung tâm lưu trữ lịch sử (thuộc Chi cục Văn thư Lưu trữ, Sở Nội vụ) và Kho lưu trữ hồ sơ tài liệu của tỉnh	TPHD	C	2021-2025	763; 04/4/2022	8,599	8,599	8,599	5,000	3,599	3,599.463		3,599.463	
<b>C.2</b>	<b>PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU</b>										<b>726,977.947</b>	<b>240,992.800</b>	<b>447,985.147</b>	<b>38,000.000</b>

**BIỂU SỐ 03 - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NƯỚC NGOÀI NĂM 2023 (NGUỒN BỘI CHI NSDP - VAY ODA)**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư							Kế hoạch vốn vay ODA năm 2023
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm					
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			
								Tổng số	Trong đó, vốn NSTW	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		
Tổng số	Cấp phát từ NSTW	Vay lại											
<b>TỔNG SỐ</b>						<b>1,774,584</b>	<b>444,418</b>			<b>1,330,166</b>	<b>399,050</b>	<b>931,116</b>	<b>209,600.0</b>
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	2018-2025	WB	Ngày 29/11/2019	Ngày 30/6/2025	967; 22/3/2019	1,774,584	444,418	59,119 triệu USD	1,330,166	399,050	931,116	209,600.0

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**